

Số: 3156 /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất nước Ôxy già (H_2O_2) công suất 40.000 tấn/năm”

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP tại Văn bản số 25-1684/PBHC-TM-KTAT ngày 31 tháng 7 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất nước Ôxy già (H_2O_2) công suất 40.000 tấn/năm” (sau đây gọi là Dự án) của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường Phú Mỹ, thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

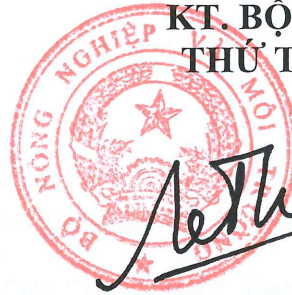
Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

or

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TCT Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP;
- UBND TP. Hồ Chí Minh;
- Sở NN&MT TP. Hồ Chí Minh;
- VPTN&TKQGQTTHC, Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, MT, HTH.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

[Handwritten signature]

Lê Công Thành

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN “NHÀ MÁY SẢN XUẤT NƯỚC ÔXY GIÀ (H₂O₂)
CÔNG SUẤT 40.000 TẤN/NĂM”**

(Kèm theo Quyết định số **3456** /QĐ-BNNMT ngày **11** tháng **8** năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: “Nhà máy sản xuất nước Ôxy già (H₂O₂) công suất 40.000 tấn/năm”.

- Địa điểm thực hiện Dự án: Khu công nghiệp (KCN) Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường Phú Mỹ, thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

- Chủ dự án: Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP.

- Địa chỉ liên hệ: Số 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Sài Gòn (trước đây là phường Đa Kao, Quận 1), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Dự án được Ban Quản lý các KCN tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 0670303278, chứng nhận lần đầu ngày 29/6/2025.

- Chi tiết tọa độ vị trí thực hiện Dự án (Hệ tọa độ VN-2000; kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°) được thể hiện tại bảng dưới đây:

STT	Tên mốc	Tọa độ mốc giới	
		X (m)	Y (m)
1	M1	1171255,16	421741,17
2	M2	1171255,16	421663,67
3	M3	1171451,66	421663,67
4	M4	1171451,66	421741,17

1.2. Quy mô, công suất

1.2.1. Quy mô

Dự án thực hiện trên tổng diện tích 1,52 ha (nằm trong khuôn viên khu đất Nhà máy Đạm Phú Mỹ (63,4 ha) được Chủ dự án thuê lại đất của KCN Phú Mỹ 1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 001965 ngày 06/7/2022), bao gồm: Nhà xưởng sản xuất chính có diện tích 1.529,4 m²; nhà xưởng đóng chai có diện tích 1.728,0 m²; kho bồn chứa sản phẩm và kho bồn chứa trung chuyển có tổng diện tích 1.245,5 m²; các công trình phụ trợ (giàn ống ngoài nhà số 1, giàn ống ngoài nhà số 2, trạm nước khử khoáng, trạm cấp nước, trạm nước làm mát tuần hoàn, trạm khí nén, trạm điện và phòng điều khiển, nhà bảo vệ, sân đường nội bộ) và công trình

bảo vệ môi trường, xử lý chất thải (hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước thải; trạm xử lý nước thải; thiết bị xử lý khí thải; khu vực chứa bùn thải, cây xanh) tại KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2.2. Công suất

Dự án có công suất sản xuất nước ôxy già (H_2O_2) 40.000 tấn/năm (nồng độ 50 %).

1.3. Công nghệ sản xuất

- Nguyên liệu chính: Khí hydro (được lấy từ Nhà máy Đạm Phú Mỹ), khí oxy, 2-Etylanthraquinon, Palladi (chất xúc tác), Ôxít nhôm, Tetrabutylene, Hydrocacbon thơm, Trioctyl photphat, Axit photphoric.

- Quy trình công nghệ sản xuất của Dự án: Công đoạn hydro hóa (khí hydro nguyên liệu sử dụng cho công đoạn này được làm giàu thông qua thiết bị chuyên biệt; phần offgas và nước ngưng sau quá trình làm giàu sẽ được dẫn trở lại Nhà máy Đạm Phú Mỹ) → Công đoạn ôxy hóa → Công đoạn trích ly và tinh chế (dung dịch chiết dư từ công đoạn này được đưa qua công đoạn sau xử lý cùng với công đoạn chuẩn bị dung dịch làm việc để tuần hoàn về công đoạn hydro hóa) → Công đoạn cô đặc → Công đoạn chiết nạp và tồn trữ.

1.4. Phạm vi

1.4.1. Các hạng mục công trình của Dự án

STT	Các hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Ghi chú
I	Các hạng mục công trình chính		
1	Nhà sản xuất chính	1.529,4	04 tầng
2	Kho bồn chứa sản phẩm và kho bồn chứa trung chuyển	1.245,5	01 tầng
3	Xưởng đóng chai	1.728,0	01 tầng
II	Các hạng mục công trình phụ trợ		
1	Giàn ống ngoài nhà số 1	1.327,6	-
2	Giàn ống ngoài nhà số 2	20,0	-
3	Trạm nước khử khoáng	28,0	01 tầng
4	Trạm nước cấp	87,05	01 tầng
5	Trạm nước làm mát tuần hoàn	374,74	01 tầng
6	Trạm khí nén	330,0	01 tầng
7	Nhà bảo vệ	9,0	01 tầng
8	Cổng và hàng rào	16,0	-
9	Sân bãi	1.297,0	-
10	Đường bộ	3.550,0	-
11	Trạm điện và phòng điều khiển	399,5	02 tầng

III	Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường		
1	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa	-	
2	Hệ thống thu gom, thoát nước thải	-	
3	Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 240 m ³ /ngày (24 giờ)	221,66	01 tầng
4	Hệ thống xử lý khí thải: - 01 Hệ thống thu gom, xử lý khí thải công đoạn hydro hóa công suất 355 m ³ /giờ - 01 Hệ thống thu gom, xử lý khí thải công đoạn ôxy hóa, chiết và lọc công suất 15.000 m ³ /giờ	-	-
5	- 01 Khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 40 m ² (thuộc kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường hiện hữu của Nhà máy Đạm Phú Mỹ) - 01 Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 20 m ² (thuộc kho lưu giữ chất thải nguy hại hiện hữu của Nhà máy Đạm Phú Mỹ) - 01 Khu vực lưu giữ bùn thải diện tích 40 m ²	- - 40,0	-
6	Cây xanh	3.085,0	-

1.4.2. Các hoạt động của Dự án đầu tư

- Hoạt động xây dựng các hạng mục công trình và trạm xử lý nước thải tập trung công suất 240 m³/ngày.

- Hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị (bao gồm: Dây chuyền sản xuất của Dự án; hệ thống thu gom, xử lý khí thải công đoạn hydro hóa công suất 355 m³/giờ; hệ thống thu gom, xử lý khí thải công đoạn ôxy hóa, chiết và lọc công suất 15.000 m³/giờ đồng bộ với dây chuyền sản xuất và trạm xử lý nước thải tập trung công suất 240 m³/ngày).

- Hoạt động sản xuất sản phẩm như đã nêu tại Mục 1.2.2 của Quyết định này.

- Hoạt động của công trình xử lý nước thải, khí thải; hoạt động thu gom, lưu giữ và chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại Dự án.

1.4.3. Các hạng mục công trình và hoạt động không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường

- Hoạt động xử lý dòng offgas và nước ngưng sau thiết bị làm giàu khí hydro của Dự án đưa về Nhà máy Đạm Phú Mỹ để tuần hoàn sử dụng.

- Hoạt động khai thác và vận chuyển nguyên vật liệu đến công trình: Tất cả các loại nguyên vật liệu phục vụ Dự án đều được Chủ dự án mua của các đơn vị cung cấp đến chân công trình.

- Hoạt động của trạm trộn bê tông xi măng và bê tông nhựa: Bê tông xi măng và bê tông nhựa phục vụ thi công được cấp từ các trạm trộn được phép hoạt động đưa đến chân công trình.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án được thực hiện trong KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc nội thành, nội thị của đô thị, là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ (Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

TT	Hoạt động của Dự án
I	Giai đoạn thi công, xây dựng
1	Hoạt động xây dựng các hạng mục công trình và xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung công suất 240 m ³ /ngày.
2	Hoạt động thi công lắp đặt máy móc thiết bị (bao gồm: Dây chuyền sản xuất của Dự án; hệ thống thu gom, xử lý khí thải công đoạn hydro hóa công suất 355 m ³ /giờ; hệ thống thu gom, xử lý khí thải công đoạn ôxy hóa, chiết và lọc công suất 15.000 m ³ /giờ đồng bộ với dây chuyền sản xuất và trạm xử lý nước thải tập trung công suất 240 m ³ /ngày).
3	Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân thi công.
II	Giai đoạn vận hành
1	Hoạt động sản xuất sản phẩm nước ôxy già (H ₂ O ₂) công suất 40.000 tấn/năm (nồng độ 50 %).
2	Hoạt động sinh hoạt của công nhân.
3	Hoạt động giao thông của công nhân.
4	Hoạt động vận hành trạm xử lý nước thải tập trung công suất 240 m ³ /ngày.
5	Hoạt động vận hành hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ công đoạn hydro hóa công suất 355 m ³ /giờ.
6	Hoạt động vận hành hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ công đoạn ôxy hóa, chiết và lọc công suất 15.000 m ³ /giờ.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân thi công khoảng 4,0 m³/ngày.

Thông số ô nhiễm đặc trưng: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, amoni (NH₄), tổng Nitơ (N), tổng Phốt pho (P), tổng Coliforms.

- Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động xây dựng các hạng mục công trình và trạm xử lý nước thải tập trung công suất 240 m³/ngày khoảng 8,4 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD₅, COD.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ cán bộ, công nhân viên làm việc tại Dự án khoảng 5,68 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD₅, COD, amoni (NH₄), tổng Nitơ (N), tổng Phốt pho (P), tổng Coliforms.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn bình pha chế, tái sinh lớp đất sét, tái sinh chất xúc tác, xả đáy tháp oxy hóa, tổ máy chân không, hệ thống xử lý khí thải, nước thải cooling, nước thải từ trạm khử khoáng (lọc RO, nước hoàn nguyên cột trao đổi ion), nước thải rửa lọc bồn lọc áp lực và nước thải từ máy ép bùn (trạm xử lý nước thải tập trung) với tổng lưu lượng khoảng 190,8 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Các hợp chất thơm, dung môi hữu cơ (Tetrabutyl Urea, Trioctyl Phosphate), Hydrogen peroxide dư, Anthraquinone và dẫn xuất, TSS, BOD₅, COD, kim loại nặng (Pd, Mn).

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Bụi, khí thải từ phương tiện, máy móc thiết bị thi công. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO₂, NO_x, CO, VOCs.

- Bụi từ hoạt động đào móng, xây dựng các hạng mục công trình và trạm xử lý nước thải tập trung.

- Hoạt động hàn cắt để kết nối các kết cấu phát sinh khói hàn, khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Khói hàn, CO, NO_x.

- Hơi dung môi từ quá trình sơn hoàn thiện các hạng mục công trình. Thông số đặc trưng: VOCs.

b) Giai đoạn vận hành

- Bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên liệu, chất thải, sản phẩm và phương tiện của cán bộ, công nhân viên. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO₂, NO_x, CO, VOCs.

- Khí thải từ công đoạn hydro hóa. Lưu lượng khí thải phát sinh khoảng 355 m³/giờ. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Hydrocarbon thơm.

- Khí thải từ công đoạn oxy hóa, chiết và lọc. Lưu lượng khí thải phát sinh khoảng 12.184 m³/giờ. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Hydrocarbon thơm.

- Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng. Lưu lượng khí thải phát sinh khoảng 2.616 m³/giờ. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO₂, NO_x, CO.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công khoảng 25 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động lắp đặt máy móc thiết bị, xây dựng các hạng mục công trình và trạm xử lý nước thải tập trung công suất 240 m³/ngày với khối lượng khoảng 1,7 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu: Kim loại (ốc vít, giá đỡ,...), nhựa (dây điện, bao bì,...), gỗ (khung bảo vệ máy móc thiết bị), giấy (thùng chứa máy móc, thiết bị).

b) Giai đoạn vận hành

- CTRSH từ công nhân phát sinh khoảng 35,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Thức ăn dư thừa, nhựa thải, kim loại thải, giấy vụn, thủy tinh.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất khoảng 41.500 kg/năm. Thành phần chủ yếu: Bao bì carton, giấy vụn; bao bì nhựa, ni lông; bùn thải, cặn thải không nguy hại từ trạm nước làm mát tuần hoàn; vật liệu lọc không chứa thành phần nguy hại (từ thiết bị lọc khí đầu vào, lọc khí làm mát,...); các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường khác (pallet gỗ, sắt, thép phế thải,...).

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động thi công xây lắp tối đa khoảng 66,6 kg/tháng. Thành phần chủ yếu: Giẻ lau dính dầu mỡ thải, dầu nhớt thải; que hàn thải; hộp, thùng kim loại đựng hóa chất (sơn, dầu) đã qua sử dụng.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải nguy hại từ các hoạt động sản xuất phát sinh khoảng 14.805 kg/năm. Thành phần chủ yếu: Mực in thải có các thành phần nguy hại; hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; chất bị nhiễm dầu, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; nước lẫn dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước; phế liệu kim loại bị nhiễm các thành phần nguy hại; dầu nhiên liệu và dầu diesel thải; bao bì mềm thải nhiễm các thành phần nguy hại; bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn; bao bì cứng thải bằng nhựa; pin, ắc quy chì thải; các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ; chất xúc tác đã qua sử dụng có chứa các thành phần nguy hại; than hoạt tính đã qua sử dụng.

- Bùn thải có thành phần nguy hại phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung công suất 240 m³/ngày khoảng 280.000 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động của phương tiện vận chuyển, hoạt động của máy móc, thiết bị phục vụ thi công xây dựng của Dự án phát sinh tiếng ồn, độ rung.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động của máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất; hoạt động của các công trình bảo vệ môi trường, xử lý chất thải của Dự án (quạt hút, máy bơm, máy thổi khí); hoạt động của máy phát điện dự phòng; hoạt động của phương tiện giao thông ra vào Dự án phát sinh tiếng ồn, độ rung.

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông ra vào Dự án có khả năng gây ảnh hưởng tới giao thông trong khu vực, tai nạn giao thông.

- Hoạt động tập trung công nhân lao động gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự của địa phương.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh khoảng 238 lít/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng (SS).

3.4.2. Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn phát sinh khoảng 253 lít/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng (SS).

- Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông ra vào Dự án có khả năng gây ảnh hưởng tới giao thông trong khu vực, tai nạn giao thông.

- Sự cố môi trường liên quan đến hệ thống xử lý nước thải, khí thải, kho chứa chất thải, hóa chất, cháy nổ.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Công nhân sử dụng nhà vệ sinh di động được lắp đặt trong khu vực Dự án, định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- Nước thải xây dựng: Thu gom, xử lý bằng 02 hố lắng tạm thời có thể tích khoảng 5,0 m³ (đáy lót HDPE). Nước thải sau hố lắng được tái sử dụng để tưới làm ẩm đường giao thông nội bộ tại các khu vực phát sinh nhiều bụi; hố lắng được lấp bỏ sau khi kết thúc giai đoạn xây dựng.

b) Giai đoạn vận hành

- Hệ thống thoát nước thải tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ tại bể tự hoại; nước thải sinh hoạt từ bồn rửa tay, chậu rửa; nước thải sản xuất (nước thải từ công đoạn bình pha chế, tái sinh lớp đất sét, tái sinh chất xúc tác, xả đáy tháp ôxy hóa, tổ máy chân không, hệ thống xử lý khí thải, nước thải cooling (làm mát), nước thải từ trạm khử khoáng (lọc RO, nước hoàn nguyên cột trao đổi ion), nước thải rửa lọc bồn lọc áp lực và nước thải từ máy ép bùn (trạm xử lý nước thải tập trung)) được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 240 m³/ngày của Dự án để xử lý đảm bảo tiêu chuẩn tiếp

nhận của KCN Phú Mỹ 1 trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Mỹ 1.

+ Quy trình: Nước thải → Hồ thu gom (Ga + song chắn rác) → Bể điều hòa → Bể phản ứng 1 (điều chỉnh pH 1) → Bể tạo bông 1 → Bể lắng cấp 1 → Bể điều chỉnh pH 2 → Cụm Fenton → Bể điều chỉnh pH 3 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng cấp 2 → Bể trung gian → Lọc áp lực (*đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Phú Mỹ 1*) → Hệ thống thoát nước thải của Dự án → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Mỹ 1.

+ Vị trí đầu nối: Hồ ga đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Mỹ 1. Tọa độ điểm đầu nối: X (m) = 1.171.249; Y (m) = 421.422 (Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°).

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Phú Mỹ 1 để tiếp tục xử lý theo thỏa thuận đầu nối.

4.1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công lắp đặt phù hợp; tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường.

- Tưới nước làm ẩm khu vực thi công xây dựng các hạng mục công trình và trạm xử lý nước thải tập trung công suất 240 m³/ngày vào những ngày nắng nóng, gió mạnh và tuyến đường giao thông nội bộ ra vào Dự án. Tần suất phun tối thiểu 04 ÷ 06 lần/ngày.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

b) Giai đoạn vận hành

- Biện pháp giảm thiểu bụi từ giao thông: Có bạt che phủ đối với tất cả các thùng xe vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm có khả năng phát tán bụi dọc đường vận chuyển.

- Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải từ quá trình sản xuất:

+ Khí thải phát sinh từ công đoạn hydro hóa được thu gom về 01 hệ thống xử lý khí thải công suất 355 m³/giờ để xử lý. Quy trình xử lý khí thải: Khí thải → Bộ tách khí hydro hóa cấp 1 → Thiết bị làm mát → Bộ tách khí hydro hóa cấp 2 (cùng với một phần khí thải từ thiết bị ngưng tụ hơi) → Quạt hút → Ống thải.

+ Khí thải phát sinh từ công đoạn ôxy hóa, chiết và lọc được thu gom về 01 hệ thống xử lý khí thải công suất 15.000 m³/giờ để xử lý. Quy trình xử lý khí thải: Khí thải → Thiết bị làm mát khí đầu → Thùng ngưng khí đầu → Bình thu hồi khí thải 1 → Thiết bị trao đổi nhiệt → Bình thu hồi khí thải 2 (cùng với khí thải từ tháp chiết và thiết bị bơm chân không) → Bộ lọc khí (sử dụng sợi carbon để hấp phụ: Carbon

dạng hạt hoặc nhựa hấp phụ) → Thiết bị xử lý khí đuôi (sử dụng than hoạt tính để hấp phụ) → Quạt hút → Ống thải.

- Bố trí điều hòa để thông thoáng nhà xưởng, nơi làm việc của công nhân viên.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải trong quá trình thực hiện Dự án, đảm bảo môi trường không khí trong các giai đoạn của Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- Lắp đặt, vận hành hệ thống thông gió, hệ thống thu gom, xử lý khí thải theo đúng thiết kế, đảm bảo toàn bộ khí thải phát sinh trong quá trình vận hành Dự án đều được thu gom, xử lý đáp ứng QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột A).

- Thực hiện và giám sát các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công, xây dựng và vận hành Dự án. Bảo trì, kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng máy móc thiết bị sản xuất định kỳ; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; thường xuyên quét dọn khu vực sản xuất; thông thoáng nhà xưởng để đảm bảo trao đổi không khí trong và ngoài nhà xưởng. Sau khi hoàn thành hệ thống xử lý khí thải công suất 15.000 m³/giờ, trên cơ sở khuyến cáo của đơn vị cung cấp vật liệu hấp phụ và quy trình công nghệ của Dự án, Chủ dự án rà soát, làm rõ tần suất thay thế vật liệu hấp phụ của hệ thống này trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- CTRSH: Thu gom CTRSH phát sinh vào khoảng 05 thùng chứa loại 120 lít/thùng, có nắp đậy, dán nhãn CTRSH đặt trên công trường. Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 02 ÷ 03 ngày/lần.

- Chất thải rắn khác:

+ Các chất thải rắn có thể tái chế, tái sử dụng (bao bì, đầu mẫu sắt thép, gỗ vụn,...): Thu gom, bán phế liệu hoặc tái sử dụng.

+ Các chất thải rắn không thể tái chế, tái sử dụng: Thu gom về điểm tập kết tạm thời có diện tích 30 m². Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- CTRSH: Bố trí các thùng chứa có nắp đậy dung tích từ 10 ÷ 240 lít/thùng đặt tại nơi phát sinh như: Văn phòng làm việc và dọc đường nội bộ. Hàng ngày, CTRSH được thu gom tập trung về điểm tập kết CTRSH gần nhất trong khuôn viên Nhà máy Đạm Phú Mỹ (có 20 điểm tập kết). Sau đó, hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 01 ÷ 02 ngày/lần.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường tại khu vực sản xuất trong nhà xưởng được phân loại và thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng tại các vị trí phát sinh; chất thải sau đó được tập kết về khu vực lưu giữ có diện tích khoảng 40 m² nằm trong kho chất thải rắn công nghiệp thông thường hiện hữu của Nhà máy đạm Phú Mỹ (diện tích khoảng 400 m²). Sau đó, chuyển giao cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định, tần suất tùy thuộc vào khối lượng phát sinh thực tế.

- Bùn nạo vét từ các hồ ga của hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn và bùn thải từ bể tự hoại được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định, định kỳ 03 ÷ 06 tháng/lần (hoặc tùy thuộc vào khối lượng phát sinh thực tế).

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ CTRSH, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, phân định, phân loại tại nguồn, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh được phân loại, thu gom và lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 5,0 m². Kho chứa chất thải nguy hại tạm thời (sau khi kết thúc thi công sẽ tháo dỡ) được xây dựng theo đúng quy cách, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có dán nhãn và gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định. Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định, tần suất tùy thuộc vào khối lượng phát sinh thực tế.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải nguy hại được phân loại, thu gom và lưu giữ vào các thùng chứa chuyên dụng (có nắp đậy, dung tích 100 ÷ 200 lít) đặt tại khu vực lưu giữ chứa chất thải nguy hại diện tích khoảng 20 m² nằm trong kho lưu giữ chất thải nguy hại hiện hữu của Nhà máy đạm Phú Mỹ (có diện tích khoảng 200 m²). Kho lưu giữ chất thải nguy hại được thiết kế, xây dựng theo đúng quy định, đảm bảo tránh mưa, tránh nắng, phân loại chất thải theo mã chất thải nguy hại, nền sơn chống thấm, có rãnh thu hồi chất lỏng khi bị rò rỉ, bên trong bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng có nắp đậy, có dán nhãn cảnh báo theo quy định, đảm bảo lưu chứa an toàn, không tràn đổ, bố trí dụng cụ cứu hỏa, thùng cát; hợp đồng với đơn vị có chức

năng vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất khoảng 06 tháng/lần hoặc theo thực tế phát sinh.

- Đối với bùn phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung:

+ Bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung công suất 240 m³/ngày của Dự án sau khi qua máy ép bùn băng tải công suất 02 ÷ 03 m³/giờ được thu gom về khu vực chứa bùn thải có diện tích khoảng 40 m² xây mới (dự phòng thêm 05 thùng chứa bùn bằng nhựa HDPE, dung tích 220 lít/thùng, có dán nhãn và cảnh báo nguy hại). Bùn khô sau tách nước được hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Khu vực chứa bùn có kết cấu nền bê tông chống thấm, vách và mái khép kín, có gờ chống nước chảy tràn, có rãnh thu gom nước rỉ về trạm xử lý nước thải tập trung, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, quản lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, phương tiện vận chuyển được đăng kiểm theo quy định; thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ; che chắn xung quanh khu vực thi công bằng tôn có chiều cao khoảng 2,0 m.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thi công.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

- Quy định tốc độ, không kéo còi xe khi ra vào Dự án; phải tắt máy khi bốc dỡ hàng hóa.

- Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu, bãi đậu xe và nhân viên hướng dẫn ra vào hợp lý.

- Thiết kế lắp đặt bộ phận giảm ồn, rung cho máy móc, thiết bị sản xuất; định kỳ kiểm tra bảo dưỡng, kiểm tra độ mòn chi tiết máy móc, thiết bị và bôi trơn định kỳ.

- Thực hiện chế độ làm việc hợp lý, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân viên.

- Đảm bảo diện tích cây xanh, thảm cỏ trong nhà máy để tạo cảnh quan, giảm nhiệt và giảm thiểu bụi, tiếng ồn xung quanh khu vực Dự án.

4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn,

QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường khác

Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn trong giai đoạn thi công, xây dựng và vận hành giống nhau, cụ thể như sau:

- Hệ thống thu gom và tiêu thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải. Nạo vét các hồ ga đảm bảo khả năng tiêu thoát nước tối thiểu 03 tháng/lần.

- Nước mưa từ mái các công trình của Dự án sẽ được thu gom bằng hệ thống máng thu và ống nhựa PVC dẫn nước xuống hệ thống thoát nước mưa của Dự án, cùng với nước mưa chảy tràn thoát vào mương hở thoát nước mặt hiện hữu (kích thước: Ngang trên 3,8m; ngang dưới 0,6m; sâu 1,5m) của Nhà máy Đạm Phú Mỹ trước khi chảy vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Phú Mỹ 1.

- + Thu gom nước mưa trên mái nhà xưởng: Ống PVC D110, máng xối.

- + Thu gom, thoát nước mưa chảy tràn: Cống BTCT D400-600 dài khoảng 1.048m, 52 hồ ga kích thước 1,4m x 1,4m x 1,55m.

b) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 240 m³/ngày:

- + Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng. Trường hợp xảy ra sự cố, tạm dừng hoạt động để tiến hành kiểm tra, xác định nguyên nhân và khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo nước thải phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án đạt tiêu chuẩn tiếp nhận trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Mỹ 1.

- + Trạm xử lý nước thải tập trung được lắp đặt thiết bị giám sát các thông số vận hành tại các công đoạn chính, gồm: Thiết bị đo pH tại bể điều chỉnh pH, bể phản ứng Fenton và bể trung hòa; thiết bị đo thế oxy hóa - khử và nhiệt độ tại bể Fenton; lưu lượng kế tại các tuyến cấp hóa chất (H₂O₂, muối sắt, dung dịch kiềm/axit). Dữ liệu giám sát được kết nối về tủ điều khiển trung tâm phục vụ theo dõi, điều chỉnh và cảnh báo sự cố trong quá trình vận hành.

- + Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải của Dự án.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải:

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo các thiết bị hoạt động liên tục và có hiệu quả; bố trí các thiết bị dự phòng. Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý khí thải, giám sát vận hành hàng ngày, tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý khí thải.

+ Kiểm soát khí thải trong quá trình sản xuất (công đoạn hydro hóa, oxy hóa, chiết và lọc): Hệ thống phải được lắp đặt các thiết bị đo lưu lượng, áp suất, nhiệt độ trên đường ống thu gom khí; cảm biến đo VOCs sau thiết bị xử lý khí thải; cảm biến khí hydro và oxy tại các vị trí có nguy cơ cháy nổ. Dữ liệu được kết nối về hệ thống điều khiển trung tâm để giám sát liên tục và tự động kích hoạt cảnh báo, ngắt hệ thống hoặc vận hành thiết bị ứng phó khi xảy ra sự cố.

+ Trường hợp khí thải vượt quy chuẩn đầu ra cho phép, tạm dừng hoạt động để tiến hành kiểm tra, xác định nguyên nhân và khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tại kho lưu chứa chất thải nguy hại: Khu vực lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều phân khu lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do hóa chất: Bố trí kho chứa hóa chất có khoảng cách an toàn so với các khu vực; hóa chất bảo quản trong kho được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, đúng vị trí quy định theo từng chủng loại, thuận tiện cho việc xuất nhập hóa chất; xây dựng quy trình vận chuyển, lưu giữ và sử dụng hóa chất cho công nhân, tuân thủ các biện pháp an toàn do nhà sản xuất quy định trên giấy tờ thông tin an toàn hóa chất; tập huấn kỹ thuật an toàn hóa chất cho công nhân xếp dỡ, vận chuyển và sử dụng hóa chất theo đúng quy định.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện để tránh các trường hợp chập điện gây cháy; bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu quy phạm phòng chống cháy nổ đặc biệt tại các khu vực trạm biến thế, các bảng điện; quy định và đặt biển báo các khu vực cấm lửa và các khu vực dễ gây cháy.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm xây dựng, thực hiện chương trình quản lý môi trường đảm bảo đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường nêu tại mục 4 của Quyết định này trước khi triển khai Dự án.

5.2. Giám sát môi trường

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2.2. Giai đoạn vận hành

a) Giám sát nước thải

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục và định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 và Phụ lục XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

b) Giám sát khí thải

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục và định kỳ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 98 và Phụ lục XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

c) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

6.1. Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

6.2. Tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ; xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6.3. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành; giám sát môi trường không khí bên trong nhà xưởng sản xuất theo quy định.

6.4. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án; xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023 - 2030; nghiên cứu, thực hiện Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường; tuân thủ các quy định hiện hành về phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố hóa chất, an toàn lao động, đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

6.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ chính xác, tin cậy của toàn bộ dữ liệu, số liệu và kết quả tính toán, đo đạc của các hạng mục, công trình, đặc biệt là kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường, danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

6.6. Bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đáp ứng các quy chuẩn môi trường: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan khác.

6.7. Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

6.8. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, phòng ngừa và phòng chống cháy nổ đối với cán bộ, công nhân.

6.9. Nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

6.10. Thiết lập mô hình quản lý và bảo đảm nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.11. Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý, giám sát và quan trắc môi trường theo nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường sau khi được phê duyệt; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

6.12. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật; nghiên cứu, thực hiện Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh.

6.13. Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và phải đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan./.